TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung;

2/ Ông Hoàng Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Trúc N, sinh năm 2000;
Địa chỉ thường trú: Thôn Chè Tr, xã Thanh T, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Số A, đường ĐX 021, khu phố 6, phường Phú Mỹ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Lê Hiệp T, sinh năm 1992;
Địa chỉ thường trú: Thôn Chè Tr, xã Thanh T, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Số A, đường ĐX 021, khu phố 6, phường Phú Mỹ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Trúc N là nguyên đơn trình bày: Bà Lê Thị Trúc N và ông Lê Hiệp T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc C, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2020, ngày 30 tháng 7 năm 2020. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bà N và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi vã, làm công việc gì cũng không thỏa thuận được với nhau. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hiệp T. Về con chung, bà N và ông T có 01 con chung tên Lê Hoàng Nhật A, sinh ngày 07/3/2021. Hiện cháu A đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Lê Hiệp T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án nhân dân thành phố T làm việc và có gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Ông T thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, ông T thống nhất ly hôn với bà N. Về con chung, ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Hoàng Nhật A, sinh ngày 07/3/2021 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào đơn xin vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc N đối với bị đơn ông Lê Hiệp T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Trúc N là nguyên đơn và ông Lê Hiệp T là bị đơn trong vụ án đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc N và ông Lê Hiệp T tự nguyện kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc C, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2020 ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Lộc C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Lê Thị Trúc N xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Dù cả hai đã nhiều lần hòa giải với mong muốn vợ chồng cùng nhau hàn gắn hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T. Về phía bị đơn ông Lê Hiệp T trình bày do vợ chồng không hợp nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà N thì ông T xác định ông đồng ý ly hôn với bà N.

Xét thấy, quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Trúc N đối với ông Lê Hiệp T là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung tên Lê Hoàng Nhật A, sinh ngày 07/3/2021. Hiện nay, cháu A đang sống cùng với ông Lê Hiệp T. Bà N đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, cháu A đang sống ổn định với ông T, bản thân ông T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại bản tự khai, ông T thống nhất với bà N khi ly hôn thì ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Do vậy, cần giao cháu Lê Hoàng Nhật A, sinh ngày 07/3/2021 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, là chính đáng và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc N đối với bị đơn ông Lê Hiệp T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc N được ly hôn với ông Lê Hiệp T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Nhật A, sinh ngày 07/3/2021 cho ông Lê Hiệp T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Trúc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Lê Thị Trúc N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Lê Hiệp T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà Lê Thị Trúc N.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Trúc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BLTU/23-0000719 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Ủy ban nhân dân xã Lộc C, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung